



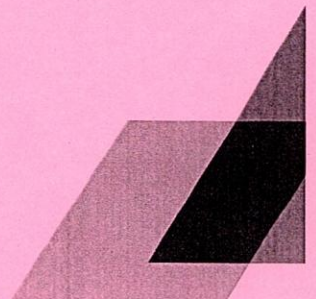
DO OUR BEST

HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC
ATC AUDITING AND VALUATION FIRM

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU LẠNG SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 26

21
G
C
U
A
K
O
I

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị gồm trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch
Bà Vũ Mộng Nương	Thành viên
Ông Đậu Trường Sinh	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Đậu Trường Sinh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đậu Trường Sinh - Tổng Giám đốc Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Lạng Sơn, ngày 02 tháng 06 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Đậu Trường Sinh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/06/2021, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.5 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính, theo đó Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên (bên liên quan) ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 về xây dựng khu Dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn. Thời gian hợp tác là 2 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến hết ngày 31/12/2022. Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được hưởng lợi nhuận là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Tiền đầu tư chuyển từ gốc và lãi cho vay đến ngày 31/12/2020 mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.



Vũ Thế Hưng

Tổng Giám đốc

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1604-2018-047-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH HÀNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC

Phan Đăng Quang

Kiểm toán viên

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:

4555-2018-047-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	TM	MẪU SỐ B 01-DN	
			31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		14.593.271.663	31.797.932.987
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.983.378.893	2.027.633.679
1. Tiền	111		5.883.378.893	2.027.633.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.100.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	3.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02a	-	3.500.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.675.697.528	22.269.158.204
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03a	973.721.044	842.876.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.11b	470.398.000	584.348.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	52.000.000	18.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	1.549.578.484	2.341.934.204
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(370.000.000)	-
IV- Hàng tồn kho	140	V.07	3.896.849.181	4.001.141.104
1. Hàng tồn kho	141		3.896.849.181	4.001.141.104
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		37.346.061	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	16.856.061	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	20.490.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		95.359.242.439	76.565.146.258
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		21.143.143.840	800.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	21.143.143.840	800.000.000
II- Tài sản cố định	220		8.077.989.259	9.690.772.161
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	8.077.989.259	9.690.772.161
- Nguyên giá	222		25.398.291.565	25.398.291.565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.320.302.306)	(15.707.519.404)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		97.500.000	97.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.500.000)	(97.500.000)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240		635.490.455	433.672.273
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	635.490.455	433.672.273
V- Đầu tư tài chính dài hạn	250		64.622.821.897	65.042.821.897
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02b	64.622.821.897	64.622.821.897
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.02a	-	420.000.000
VI- Tài sản dài hạn khác	260		879.796.988	597.879.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	879.796.988	597.879.927
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		109.952.514.102	108.363.079.245

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	MÃ SỐ B 01-DN	
			31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		66.350.778.682	66.510.315.832
I- Nợ ngắn hạn	310		1.677.956.785	1.837.493.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	126.256.818	28.478.818
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.03b	13.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	341.091.637	218.710.213
4. Phải trả người lao động	314		156.400.000	254.991.051
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	595.254.544	575.454.545
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	167.184.195	558.689.717
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	170.000.000	185.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108.769.591	16.169.591
II- Nợ dài hạn	330		64.672.821.897	64.672.821.897
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	50.000.000	50.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	64.622.821.897	64.622.821.897
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		43.601.735.420	41.852.763.413
I- Vốn chủ sở hữu	410	V.16	43.601.735.420	41.852.763.413
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.579.000.000	39.579.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.579.000.000	39.579.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	(91.210.454)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.895.147.734	4.095.147.734
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.587.686	(1.730.173.867)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.730.173.867)	(2.212.728.840)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.857.761.553	482.554.973
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		109.952.514.102	108.363.079.245

Lạng Sơn, ngày 02 tháng 06 năm 2021


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Văn Do



Đậu Trường Sinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	18.321.725.770	16.445.450.635
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
3. (10 = 01-02)	10		18.321.725.770	16.445.450.635
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	13.155.610.668	14.161.497.702
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.166.115.102	2.283.952.933
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.519.106.910	1.935.113.610
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	2.650.000	5.300.000
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	1.870.503.225	1.191.363.026
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	2.789.148.276	2.347.787.190
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		2.022.920.511	674.616.327
11. Thu nhập khác	31	VI.06	39.267.745	1.235.006.010
12. Chi phí khác	32	VI.07	414.073	1.427.067.364
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		38.853.672	(192.061.354)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.061.774.183	482.554.973
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	112.802.176	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.948.972.007	482.554.973
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	492	122

Lạng Sơn, ngày 02 tháng 06 năm 2021

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Lê Văn Do

Giám đốc



Đặng Trường Sinh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 03-DN

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		20.277.067.117	18.271.645.699
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(11.956.089.000)	(13.012.848.259)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.895.410.696)	(3.151.082.340)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.831.129.151	3.986.366.132
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(19.466.774.330)	(5.357.704.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.789.922.242	736.376.571
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(201.818.182)	(1.514.229.640)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(580.000.000)	(26.600.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.948.000.000	26.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.014.641.154	453.829.719
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.180.822.972	(1.060.399.921)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		170.000.000	185.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(185.000.000)	(185.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		5.955.745.214	(324.023.350)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	2.027.633.679	2.351.657.029
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	7.983.378.893	2.027.633.679

Lạng Sơn, ngày 02 tháng 06 năm 2021

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Lê Văn Do

Giám đốc



Đậu Trường Sinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ- UBND-KT ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/12/2019.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

Vốn điều lệ : 39.579.000.000 đồng (*Ba mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn*).

Cơ cấu vốn điều lệ	Số vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Thảo Viên	7.843.010.000	19,82%
Vốn của nhà đầu tư nước ngoài	8.237.600.000	20,81%
Vốn của các cổ đông khác	23.498.390.000	59,37%
Cộng	39.579.000.000	100%

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; Sản xuất rượu.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

- Đại lý du lịch (*mã ngành 7911 Chính*);
- Điều hành tua du lịch (*mã ngành 7912*);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (*mã ngành 1101*);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (*mã ngành 4723*);
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu (*mã ngành 8699*);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giặt là (*mã ngành 5510*);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Phòng hát karaoke và kinh doanh trò chơi điện tử (trừ kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài) (*mã ngành 9329*);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm (*mã ngành 7810*);
- Bán buôn thực phẩm (*mã ngành 4632*).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Nhân viên

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty có 45 nhân viên chính thức làm việc.

92;
NG
HIEM
IEN
INH
T
VG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, gồm:

Tên	Địa chỉ
Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Khách sạn Hoa Sim Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn	Số 1A đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Rượu Mấu Sơn Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn	Số 88 đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Nhà hàng Nam Kai Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn	Số 53 Lương Văn Chi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

18-
TY
HỮU
+ TI
GI
C
T.F

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu của khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

HẠN
JAN
P
HA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT- BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian trích khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

	<u>Năm sử dụng ước tính</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 45
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải	06 – 08
Tài sản cố định khác	04 – 25
Phần mềm quản lý	05

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá thực tế mua.

Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản đầu tư tài chính dài hạn là khoản Công ty góp vốn bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn, (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn). Nguồn tài trợ 100% cho khoản vốn góp này là khoản vay 4.050.000 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên đảm bảo liên đới là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào nên không trích lập dự phòng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

Phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi bán cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên cơ sở hàng chuyên giao, dịch vụ đã hoàn thành và người mua chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền. Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu hoạt động từ khách sạn nhà hàng, dịch vụ du lịch, hoạt động thương mại và sản xuất kinh doanh rượu mẩu sơn.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác: Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với hoạt động kinh doanh nhà hàng khách sạn, hướng dẫn du lịch, kinh doanh rượu mẫu sơn là 10%.

Công ty áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ cồn trở lên.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

1927
NG T
HIỆM
KIẾN
ĐINH
AT
ÔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	4.777.487.333	883.710.274
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.105.891.560	1.143.923.405
Các khoản tương đương tiền (*)	2.100.000.000	-
Cộng	7.983.378.893	2.027.633.679

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng Ngân hàng Vietcombank, ngày gửi 30/12/2020, lãi suất 2.9%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV CN Lạng Sơn	-	-	500.000.000	500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Vietcombank CN Lạng Sơn	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
b) Dài hạn	-	-	420.000.000	420.000.000
Trái phiếu ngân hàng BIDV	-	-	420.000.000	420.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	64.622.821.897	-	64.622.821.897	-
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	64.622.821.897	-	64.622.821.897	-

Công ty góp vốn bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% phần sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng tại Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn (trước đây là Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn), có địa chỉ tại: Xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn tài trợ cho khoản vốn góp này là khoản vay 4.050.000 USD của Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn. Bên bảo lãnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Kể từ khi Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Theo đó, nếu công ty liên doanh chưa có lãi, làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả. Ban Tổng Giám đốc Công đánh giá khoản đầu tư này không chịu bất kỳ rủi ro nào trong quá trình thực hiện dự án liên doanh nên không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Công nợ với khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Khách hàng không phải là bên liên quan	973.721.044	842.876.000
Nguyễn Thị Nga	71.350.000	-
Hội nông dân tỉnh Lạng Sơn	59.800.000	-
Công ty CP dược phẩm và VTYT Lạng Sơn	-	120.450.000
Cục Dân Số	86.400.000	1.500.000
Sở giáo dục đào tạo tỉnh Lạng Sơn	100.830.000	115.828.000
Trường cao đẳng sư phạm Lạng Sơn	40.625.000	75.195.000
Sở lao động thương binh XH tỉnh Lạng Sơn	102.340.000	16.890.000
Chi cục dân số KHH gia đình tỉnh Lạng Sơn	-	106.600.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	512.376.044	406.413.000
Cộng	973.721.044	842.876.000
b) Khách hàng trả trước ngắn hạn		
- Khách hàng không phải là bên liên quan	13.000.000	-
Công ty Zoje	4.000.000	-
Lương Thị Tố Uyên	9.000.000	-
Cộng	13.000.000	-

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Thảo Viên	-	18.500.000.000
Ông Lý Hoài Nam	52.000.000	-
Cộng	52.000.000	18.500.000.000

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.549.578.484	2.341.934.204
Công ty TNHH Thảo Viên (phải thu lãi tiền vay)	-	840.033.891
Thuế tiêu thụ đặc biệt nguyên liệu rượu đầu vào	809.578.484	761.705.113
Tạm ứng cho bà Nguyễn Thị Thủy	740.000.000	740.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	195.200
b) Dài hạn	21.143.143.840	800.000.000
Công ty TNHH Thảo Viên - Đầu tư hợp tác kinh doanh (HĐ số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020) (*)	20.343.143.840	-
Ký quỹ hoạt động du lịch lữ hành quốc tế	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ hoạt động kinh doanh dịch vụ việc làm	300.000.000	300.000.000
Cộng	22.692.722.324	3.141.934.204

(*) Hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên về xây dựng khu Dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn. Thời gian hợp tác là 2 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến hết ngày 31/12/2022. Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được hưởng lợi nhuận là 8%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Tiền đầu tư chuyển từ gốc và lãi cho vay đến ngày 31/12/2020 mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.

6. Dự phòng nợ phải thu khác ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	740.000.000	(370.000.000)	-	-
Nguyễn Thị Thủy	740.000.000	(370.000.000)	-	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.340.138.865	-	3.607.846.528	-
Thành phẩm	406.612.463	-	318.395.476	-
Hàng hóa	150.097.853	-	74.899.100	-
Cộng	3.896.849.181	-	4.001.141.104	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Đơn vị tính: VND
				Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2020	20.892.267.729	2.594.858.826	1.911.165.010	25.398.291.565
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	20.892.267.729	2.594.858.826	1.911.165.010	25.398.291.565
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2020	13.219.655.534	1.925.136.729	562.727.141	15.707.519.404
Tăng trong năm	1.262.423.396	128.298.138	222.061.368	1.612.782.902
Khấu hao trong năm	1.262.423.396	128.298.138	222.061.368	1.612.782.902
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	14.482.078.930	2.053.434.867	784.788.509	17.320.302.306
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2020	7.672.612.195	669.722.097	1.348.437.869	9.690.772.161
Tại 31/12/2020	6.410.188.799	541.423.959	1.126.376.501	8.077.989.259

9. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công trình khách sạn Hoa Sim	635.490.455	433.672.273
Cộng	635.490.455	433.672.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	16.856.061	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	16.856.061	-
b) Dài hạn	879.796.988	597.879.927
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	879.796.988	597.879.927

11. Công nợ với nhà cung cấp

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
- Nhà cung cấp là bên liên quan	50.090.909	-
Công ty TNHH Thảo Viên	50.090.909	-
- Nhà cung cấp không phải là bên liên quan	76.165.909	28.478.818
Công ty TNHH Sản Xuất và Dịch vụ TM Anh Quang	9.090.909	
Công ty liên doanh vận tải ô tô Sơn Đức	-	28.181.818
Công ty Bảo Việt nhân thọ	-	297.000
Hoàng Thị Khánh	63.760.000	-
Đình Hồng Vân	3.315.000	-
Cộng	126.256.818	28.478.818
b) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Nhà cung cấp không phải là bên liên quan	470.398.000	584.348.000
Công ty TNHH Kiểm toán & định giá Thăng Long	27.500.000	-
Công ty TNHH Kiến Trúc ATH	-	90.000.000
Trả trước tiền mua rượu nguyên liệu	442.898.000	494.348.000
Cộng	470.398.000	584.348.000

12. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đầu năm
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	190.881.061	1.468.188.308	1.441.421.532	164.114.285
Thuế TNDN	112.802.176	112.802.176	-	-
Thuế TNCN	4.845.553	7.077.140	4.533.966	2.302.379
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	266.267.763	266.267.763	-
Thuế TTĐB	32.562.847	309.274.356	329.005.058	52.293.549
Thuế, phí khác	-	13.270.874	13.270.874	-
Cộng	341.091.637	2.176.880.617	2.054.499.193	218.710.213
b) Phải thu				
Tiền thuê đất	20.490.000	20.490.000	-	-
Cộng	20.490.000	20.490.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	01/01/2020 VND
Vay ngắn hạn	170.000.000	170.000.000	185.000.000	185.000.000
Ông Trần Đức Hường	-	-	185.000.000	185.000.000
Bà Lê Như Quỳnh (*)	170.000.000	170.000.000	-	-
Vay dài hạn	64.622.821.897	-	-	64.622.821.897
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn (**)	64.622.821.897	-	-	64.622.821.897
Cộng	64.792.821.897	170.000.000	185.000.000	64.807.821.897

(*) Hợp đồng vay cá nhân bằng tiền mặt ngày 1/4/2020 tại nhà hàng Nam Kai - Chi nhánh Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn số tiền 170.000.000 VNĐ thời hạn vay 1 năm, lãi suất 0%.

(**) Vay góp vốn vào Công ty Liên doanh Quốc tế Lạng Sơn (nay là Công ty Cổ phần Quốc tế Lạng Sơn) 4.050.000 USD. Bên vay là Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn ("Tocolimex"), bên bảo lãnh là Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Khoản tiền vay này được chuyển vào tài khoản chuyên dùng của Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố Lạng Sơn phục vụ mục đích đền bù giải phóng mặt bằng khu đất của dự án liên doanh mà hai bên tham gia. Hoàn trả khoản vay: Kể từ khi Công ty Liên doanh quốc tế Lạng Sơn kinh doanh có lãi thì bên cho vay có quyền được khấu trừ phần lợi nhuận mà bên vay được hưởng theo tỷ lệ góp vốn trong liên doanh để trả cho khoản vay này. Nếu công ty liên doanh chưa có lãi làm cho Tocolimex không có khả năng hoàn trả thì không phải hoàn trả, đợi đến khi nào được chia lãi thì Tocolimex sẽ trả.

14. Các khoản phải trả khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	1.480.675	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	159.487.006	171.862.717
- Bà Nguyễn Tiểu Mai	113.287.500	113.287.500
- Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	8.547.840	8.547.840
- Các đối tượng khác	37.651.666	50.027.377
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.216.514	386.827.000
Cộng	167.184.195	558.689.717
b) Dài hạn		
Bà Nguyễn Thị Nga - Ký quỹ thuê địa điểm kinh doanh	50.000.000	50.000.000
Cộng	50.000.000	50.000.000

15. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT trả trước tiền thuê địa điểm kinh doanh	469.800.000	450.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga trả trước tiền thuê địa điểm kinh doanh	125.454.544	125.454.545
Cộng	595.254.544	575.454.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	39.579.000.000	(91.210.454)	4.095.147.734	(2.212.728.840)	41.370.208.440
Lãi trong năm trước	-	-	-	482.554.973	482.554.973
Số dư cuối năm trước	<u>39.579.000.000</u>	<u>(91.210.454)</u>	<u>4.095.147.734</u>	<u>(1.730.173.867)</u>	<u>41.852.763.413</u>
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.948.972.007	1.948.972.007
Tăng khác (*)	-	91.210.454	-	-	91.210.454
Giảm khác (**)	-	-	(200.000.000)	(91.210.454)	(291.210.454)
Số dư cuối năm nay	<u>39.579.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.895.147.734</u>	<u>127.587.686</u>	<u>43.601.735.420</u>

(*) Công ty xử lý thặng dư vốn cổ phần hóa năm 2010 số tiền 91.210.454 đồng theo Biên bản họp Ban Giám đốc số 116/BB/DL-XNK ngày 25/12/2020. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông về việc xử lý thặng dư vốn cổ phần này.

(**) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Biên bản họp HĐQT số 02/BB/DL-XNK ngày 03/01/2020

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn đã góp			
	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Thảo Viên	7.843.010.000	19,82%	7.843.010.000	19,82%
Vốn góp của Nhà đầu tư nước ngoài bao gồm:	8.237.600.000	20,81%	8.237.600.000	20,81%
- Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	537.600.000	1,36%	537.600.000	1,36%
- Công ty TNHH Vui chơi giải trí và Du lịch Thái Dương	200.000.000	0,50%	200.000.000	0,50%
- Bà Nguyễn Tiểu Mai (nhận thừa kế từ Ông Nguyễn Chính Nghĩa quốc tịch Đài Loan)	7.500.000.000	18,95%	7.500.000.000	18,95%
Vốn góp của cổ đông khác	23.498.390.000	59,37%	23.498.390.000	59,37%
Cộng	<u>39.579.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>39.579.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	39.579.000.000	39.579.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	39.579.000.000	39.579.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.957.900	3.957.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.957.900	3.957.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.957.900	3.957.900
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.957.900	3.957.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.957.900	3.957.900
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.895.147.734	4.095.147.734

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng tại xí nghiệp rượu	1.115.138.706	2.457.699.325
Doanh thu dịch vụ lữ hành tour du lịch	488.948.182	2.778.091.535
Doanh thu dịch vụ tại khách sạn Hoa Sim	15.367.812.786	9.768.046.031
Doanh thu tại nhà hàng Nam Kai	1.304.826.096	1.441.613.744
Doanh thu dịch vụ tại văn phòng	45.000.000	-
Cộng	18.321.725.770	16.445.450.635

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn bán hàng tại xí nghiệp rượu	951.635.718	1.914.903.290
Giá vốn dịch vụ lữ hành tour du lịch	685.831.417	2.772.110.881
Giá vốn dịch vụ tại khách sạn Hoa Sim	10.802.442.488	8.459.658.538
Giá vốn tại nhà hàng Nam Kai	715.701.045	1.014.824.993
Giá vốn dịch vụ tại văn phòng	-	-
Cộng	13.155.610.668	14.161.497.702

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	144.043.070	453.829.719
Lãi cho vay vốn	1.375.063.840	1.481.283.891
Cộng	1.519.106.910	1.935.113.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi ký quỹ thuê ki ốt kinh doanh	2.650.000	5.300.000
Cộng	2.650.000	5.300.000

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	1.078.382.493	1.197.917.830
Chi phí công cụ dụng cụ	22.743.182	1.329.544
Chi phí khấu hao TSCĐ	222.061.368	236.360.722
Thuế phí lệ phí	70.938.637	66.939.953
Chi phí dự phòng	370.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	968.717.596	644.068.424
Các khoản chi phí QLDN khác	56.305.000	201.170.717
Cộng	2.789.148.276	2.347.787.190
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng</i>		
Chi phí nhân viên bán hàng	24.999.300	24.393.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.816.052.079	1.128.361.451
Các khoản chi phí bán hàng khác	29.451.846	38.608.575
Cộng	1.870.503.225	1.191.363.026

6. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Xử lý công nợ phải trả người bán của chi nhánh Hà Nội	-	1.121.565.319
Khoản kinh doanh	-	100.000.000
Các khoản khác	39.267.745	13.440.691
Cộng	39.267.745	1.235.006.010

7. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	-	101.568.131
Xử lý hàng hóa tồn kho của chi nhánh Hà Nội	-	1.228.985.069
Truy thu, phạt thuế theo quyết định thanh tra	-	11.062.400
Các khoản khác	414.073	85.451.764
Cộng	414.073	1.427.067.364

8-C.T.
Y
ƯU HẠN
TOÁN
GIÁ
P.H.A.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	2.061.774.183	482.554.973
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	163.800	11.062.400
Chuyển lỗ năm 2016	197.281.947	493.617.373
Chuyển lỗ năm 2017	1.058.926.212	-
Thu nhập tính thuế	805.729.824	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành	161.145.965	-
Giảm 30% theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	48.343.789	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	112.802.176	-

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.948.972.007	482.554.973
a) Số điều chỉnh giảm	-	-
b) Số điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.948.972.007	482.554.973
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.957.900	3.957.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	492	122

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh ở các phần nêu trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Thảo Viên	Cổ đông	Cung cấp hàng hóa dịch vụ	211.708.868
		Mua hàng hóa	50.090.909
		Thu hộ	10.000.000.000
		Chi hộ	10.000.000.000
		Phải thu khác về hợp tác kinh doanh	20.343.143.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Mối quan hệ	Số tiền (VND)
Văn phòng		
Đậu Trường Sinh	Tổng Giám đốc	231.384.615
Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng Giám đốc	206.780.770
Xí nghiệp rượu Mẫu Sơn		
Vy Hồng Vinh	Giám đốc	80.769.231
Nguyễn Khắc Phương	Phó Giám đốc	72.446.154
Nhà hàng Nam Kai		
Nguyễn Văn Nhân	Giám đốc nhà hàng	72.000.000
Khách sạn Hoa Sim		
Nông Thị Toàn	Phó Giám đốc khách sạn	107.913.333
Triệu Thị Tâm	Phó Giám đốc khách sạn	20.400.000
Trung tâm du lịch		
Phạm Thị Hoa Mai	Giám đốc trung tâm	38.772.308
Trần Thị Ánh Hồng	Phó giám đốc trung tâm	38.395.385

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, tại ngày 31/12/2020, Công ty có các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số dư (VND)
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	Cổ đông	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	64.622.821.897
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	Cổ đông	Phải trả vay dài hạn	64.622.821.897
Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	Cổ đông	Phải trả cổ tức	8.547.840
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Cổ đông	Phải trả cổ tức	113.287.500

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như đã trình bày tại mục VI.1 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và VI.2 – Giá vốn hàng bán. Trụ sở của Công ty và các đơn vị trực thuộc đặt trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long T.D.K chi nhánh Đông Bắc. Số liệu năm 2019 tại mục VI.1 và VI.2 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được Công ty trình bày lại cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của Công ty.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. Những thông tin khác

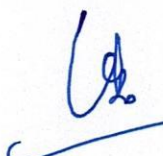
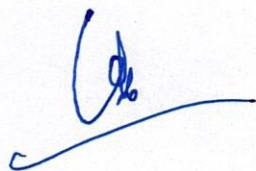
Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Lạng Sơn, ngày 02 tháng 06 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Văn Do

Đào Trường Sinh

